

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Đề cương báo cáo tình hình thi hành pháp luật về PCTN)

| STT       | NỘI DUNG   | Năm 2020 | Năm 2021 |
|-----------|--|----------|----------|
| <b>I</b>  | <b>Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng</b>  |          |          |
| <b>a)</b> | <b>Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị</b>   |          |          |
| 1         | Các hình thức công khai thường được thực hiện  |          |          |
| 2         | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện công khai, minh bạch   |          |          |
| 3         | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với số đơn vị bị xử lý)                          |          |          |
| 4         | Số cuộc họp báo và số lần cung cấp thông tin cho báo chí   |          |          |
| 5         | Số lần cung cấp thông tin theo yêu cầu   |          |          |
| 6         | Số lần thực hiện trách nhiệm giải trình  |          |          |
| <b>b)</b> | <b>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>  |          |          |
| 1         | Việc công khai các văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ (ghi rõ hình thức công khai tương ứng với văn bản)  |          |          |
| 2         | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ  |          |          |
| 3         | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ   |          |          |
| 4         | Số người vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý)                             |          |          |
| <b>c)</b> | <b>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</b>  |          |          |
| 1         | Số người vi phạm quy tắc ứng xử bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý)   |          |          |
| 2         | Số người vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý)                                |          |          |
| 3         | Số người vi phạm quy định về kiểm soát xung đột lợi ích bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý)                               |          |          |
| <b>d)</b> | <b>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</b>  |          |          |
| 1         | Số lượng công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác  |          |          |
| 2         | Số người chuyển đổi vị trí công tác theo Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác   |          |          |
| 3         | Số người thực tế đã chuyển đổi vị trí công tác   |          |          |
| <b>II</b> | <b>Việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</b>  |          |          |
| 1         | Số lượt người được tuyên truyền về Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. |          |          |
| 2         | Việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập:  |          |          |
|           | Số lượng công khai tại cuộc họp  |          |          |
|           | Số lượng công khai bằng hình thức niêm yết   |          |          |
| 3         | Số người được xác minh tài sản, thu nhập   |          |          |
| 4         | Số người bị xử lý kỷ luật về nghĩa vụ trung thực trong kê khai   |          |          |

|            |  |   |  |
|------------|--|---|--|
|            | tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm ( <i>liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý</i> )                  |   |  |
| <b>III</b> | <b>Công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị và phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán</b>  |   |  |
| 1          | Kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức đơn vị:   |   |  |
|            | <i>Số cuộc kiểm tra</i>  |   |  |
|            | <i>Số cuộc tự kiểm tra</i>   |   |  |
|            | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra</i>   |   |  |
| 2          | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra</i>  |   |  |
|            | Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát:   |   |  |
| 2          | <i>Số cuộc giám sát</i>  |   |  |
|            | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động giám sát</i>  |   |  |
|            | Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra:  |   |  |
| 3          | <i>Số cuộc thanh tra</i>   |   |  |
|            | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra</i>   |   |  |
|            | Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động kiểm toán:  |   |  |
| 4          | <i>Số cuộc kiểm toán</i>   |   |  |
|            | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động kiểm toán</i>   |   |  |
|            | <b>IV</b>  | <b>Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị</b> |  |
| 1          | Số người vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị ( <i>liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý</i> )          |   |  |
| <b>V</b>   | <b>Việc phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước</b>   |   |  |
| 1          | Số lượt người trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được tuyên truyền, hướng dẫn về pháp luật phòng, chống tham nhũng                       |   |  |
| 2          | Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh                                      |   |  |
| 3          | Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã xây dựng quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ  |   |  |
| 4          | Số trường hợp có hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được phát hiện, xử lý ( <i>ghi rõ hình thức xử lý tương ứng</i> ) |   |  |
| <b>VI</b>  | <b>Việc xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng</b>  |   |  |
| 1          | Số vụ việc tham nhũng bị phát hiện   |   |  |
|            | Số người có hành vi tham nhũng bị xử lý ( <i>ghi rõ hình thức xử lý tương ứng</i> )  |   |  |
| 2          | Số tài sản bị thất thoát do hành vi tham nhũng và số tài sản thu hồi được  |   |  |